

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30
THÁNG 06 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	05
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	06 - 07
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	08
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	09
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	10 - 32



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 5503000020 ngày 01/09/2004, thay đổi lần 12 ngày 17/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Công ty đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/6/2010.

Mã cổ phiếu : VXB.

Vốn điều lệ : 40.490.060.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ trụ sở chính : 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại : +84 (75) 3829 857 – 3822 319

Fax : +84 (75) 3822 319

Mã số thuế : 1300108704

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>ngày bổ nhiệm</i>	<i>ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	ngày 17 tháng 05 năm 2013	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	ngày 21 tháng 08 năm 2013	
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	ngày 26 tháng 04 năm 2008	
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên	ngày 29 tháng 05 năm 2010	
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	ngày 13 tháng 04 năm 2013	

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>ngày bổ nhiệm</i>	<i>ngày miễn nhiệm</i>
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng ban	ngày 15 tháng 03 năm 2015	
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên	ngày 29 tháng 04 năm 2008	
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	ngày 29 tháng 04 năm 2008	

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>ngày bổ nhiệm</i>	<i>ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc	ngày 17 tháng 05 năm 2013	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Phó Giám đốc	ngày 01 tháng 06 năm 2013	
Ông Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám đốc	ngày 01 tháng 06 năm 2013	
Ông Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc	ngày 01 tháng 06 năm 2013	
Bà Lê Thị Nguyệt Phương	Kế toán trưởng	ngày 29 tháng 04 năm 2008	ngày 01 tháng 05 năm 2015
Ông Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	ngày 01 tháng 05 năm 2015	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Quốc Thông- Giám đốc Công ty (ngày bổ nhiệm 17 tháng 05 năm 2013).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 32.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Ban Điều hành đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 13 tháng 08 năm 2015.

TM. Hội đồng Quản trị



PHAN QUỐC THÔNG
Chủ tịch kiêm Giám đốc

NG
HIỆN
AN
P.1

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng: 156-158 Phó Quang, phường 9, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel 84 (8) 3999 00 91-97 Fax: +84 (8) 3 999 00 90
Email: info@vietvalues.com Website: www.vietvalues.com



Số: 2381/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được lập ngày 13 tháng 08 năm 2015 (từ trang 06 đến trang 32) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Đỗ Thị Hương - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2141 -2013-071-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		132.115.568.848	145.922.437.847
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.084.114.888	10.042.863.280
111	1. Tiền		7.084.114.888	10.042.863.280
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		85.245.330.147	102.073.206.665
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	72.062.156.452	95.016.500.741
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.801.208.364	806.041.460
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	11.729.215.693	6.597.914.826
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(347.250.362)	(347.250.362)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	39.786.123.813	33.806.367.902
141	1. Hàng tồn kho		39.786.123.813	33.806.367.902
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		29.040.594.940	28.720.215.232
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		13.359.532.804	13.854.797.651
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	12.523.738.201	13.019.003.048
222	- Nguyên giá		26.805.298.997	25.985.477.179
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.281.560.796)	(12.966.474.131)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	835.794.603	835.794.603
228	- Nguyên giá		835.794.603	835.794.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	13.848.002.964	13.848.002.964
231	- Nguyên giá		13.848.002.964	13.848.002.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		387.973.985	295.610.000
241	1. Chi phí dở sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	387.973.985	295.610.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.445.085.187	721.804.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	1.445.085.187	721.804.617
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		161.156.163.788	174.642.653.079

HẠN I VÀ CHỈ T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thanh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		100.437.333.887	108.189.816.309
310	I. Nợ ngắn hạn		100.437.333.887	108.189.816.309
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	8.331.465.414	9.852.800.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.526.049.571	2.337.555.511
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.438.835.867	6.550.909.208
314	4. Phải trả người lao động	V.15	420.973.295	3.961.575.018
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	4.537.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	11.958.538.928	11.497.645.747
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	71.714.978.441	68.954.044.017
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	509.228.421	498.022.789
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		60.718.829.901	66.452.836.770
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	60.718.829.901	66.452.836.770
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	13.116.089.803
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.008.638.712	8.778.924.967
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		373.787.349	131.619.580
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.634.851.363	8.647.305.387
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		161.156.163.788	174.642.653.079

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ

Bến Tre, ngày 13 tháng 08 năm 2015.

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

TP. BẾN TRE - T. BẾN TRE

PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	77.483.985.325	89.390.677.020
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		77.483.985.325	89.390.677.020
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	69.880.536.396	78.503.047.522
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.603.448.929	10.887.629.498
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	129.575.041	221.294.498
22	7. Chi phí tài chính		2.399.642.630	2.571.788.684
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.399.642.630	2.571.788.684
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	1.023.860.523	1.715.121.004
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	2.711.893.163	2.853.742.076
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.597.627.654	3.968.272.232
31	11. Thu nhập khác	VI.6	652.700.693	1.592.492.053
32	12. Chi phí khác		154.365.061	-
40	13. Lợi nhuận khác		498.335.632	1.592.492.053
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.095.963.286	5.560.764.285
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	461.111.923	1.390.191.071
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.634.851.363	4.170.573.214
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.7a	404	1.030
71	19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		404	1.030

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TẤN MỸ



Bến Tre, ngày 13 tháng 08 năm 2015.

Giám đốc

PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		102.700.669.775	96.139.278.259
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(61.146.024.021)	(69.824.761.773)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(4.992.060.018)	(4.754.929.479)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.399.642.630)	(2.571.788.684)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.983.399.427)	(2.386.321.510)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.577.813	1.435.703.275
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.041.480.113)	(22.805.790.378)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		163.641.379	(4.768.610.290)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(26.872.500)	(3.510.424.935)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	90.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.061.655	30.947.348
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		40.189.155	(3.389.477.587)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		50.327.079.220	56.873.833.362
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(47.566.144.796)	(43.283.472.000)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.923.513.350)	(5.923.265.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.162.578.926)	7.667.095.512
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(2.958.748.392)	(490.992.365)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.042.863.280	2.476.709.691
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	7.084.114.888	1.985.717.326

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ



Bến Tre, ngày 13 tháng 08 năm 2015.

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

VẬT LIỆU XÂY DỰNG

BẾN TRE

TP. BẾN TRE

PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuân A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được (sau đây gọi tắt là “Công ty”) Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trình bày tại thuyết minh số VII.3b do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 120 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 138 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

10/1
TR
KIE
10/1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

201
NG
HIỆM
IN V
ÁN
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu Bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.000.205.147	2.289.723.129
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.083.909.741	7.753.140.151
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>7.084.114.888</u>	<u>10.042.863.280</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	72.062.156.452	95.016.500.741
Công An Tỉnh Bến Tre- Phòng Hậu Cần	17.553.443.831	24.530.091.320
Ban Quản lý Dự Án Đầu tư Thành phố Bến Tre	9.970.212.305	15.447.872.799
Công ty CP Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp	7.573.714.515	20.425.273.248
Các khách hàng khác	36.964.785.801	34.613.263.374
Cộng	72.062.156.452	95.016.500.741

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	1.801.208.364	806.041.460
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xây lắp Vĩnh An	1.160.083.161	296.447.761
Công ty CP Du lịch Hàm Luông	200.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	441.125.203	509.593.699
Cộng	1.801.208.364	806.041.460

4. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.729.215.693	-	6.597.914.826	-
Lê Văn Trung- Đội xây dựng 6	5.270.210.497	-	2.213.995.733	-
Lê Hoàng Dũng- Đội xây dựng 4	2.049.068.896	-	851.814.967	-
Lê Hoàng Thanh- Đội xây dựng số 1	1.777.548.691	-	631.189.199	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.632.387.609	-	2.900.914.927	-
Cộng	11.729.215.693	-	6.597.914.826	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-			-	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		605.020.560	(347.250.362)	605.020.560		
Công ty TNHH XD Đại Gia phú	38 tháng	183.835.590	(128.684.913)	32 tháng	183.835.590	(128.684.913)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển đô thị đầu khí	41 tháng	169.854.670	(84.927.335)	35 tháng	169.854.670	(84.927.335)
Nguyễn Văn Phong	41 tháng	145.071.100	(72.535.550)	35 tháng	145.071.100	(72.535.550)
Nguyễn Thị Thủy	41 tháng	65.894.380	(32.847.190)	35 tháng	65.894.380	(32.847.190)
DNTN Xây dựng Chí Trung	40 tháng	25.843.820	(18.090.674)	34 tháng	25.843.820	(18.090.674)
Công ty PT và Xây dựng Nhà Cừu Long	38 tháng	14.521.000	(10.164.700)	32 tháng	14.521.000	(10.164.700)
Cộng		605.020.560	(347.250.362)	605.020.560		(347.250.362)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(347.250.362)	-	(347.250.362)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	(347.250.362)	-	(347.250.362)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.397.013.262	-	1.204.857.791	-
Công cụ, dụng cụ	14.968.306	-	16.166.518	-
Chi phí SXKD dở dang	11.933.944.534	-	27.387.387.251	-
Thành phẩm	21.374.828.995	-	971.489.915	-
Hàng hóa	5.065.368.716	-	4.226.466.427	-
Cộng	39.786.123.813	-	33.806.367.902	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước dài hạn**

Chủ yếu là chi phí công thăm do khai thác cát được phân bổ vào chi phí không quá 36 tháng

Chi tiết:	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Số đầu năm	721.804.617	1.129.852.056
Tăng trong kỳ	1.162.698.605	1.380.511.049
Phân bổ trong kỳ	(439.418.035)	(852.109.436)
Số cuối kỳ	1.445.085.187	1.658.253.669

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.562.127.977	3.758.990.328	14.192.138.447	157.157.273	315.063.154	25.985.477.179
Mua trong kỳ	-	153.000.000	666.821.818	-	-	819.821.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	7.562.127.977	3.911.990.328	14.858.960.265	157.157.273	315.063.154	26.805.298.997
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.410.996.995	3.170.792.464	7.038.600.603	42.518.092	303.565.977	12.966.474.131
Khấu hao trong kỳ	188.337.530	110.213.096	994.952.633	15.834.818	5.748.588	1.315.086.665
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.599.334.525	3.281.005.560	8.033.553.236	58.352.910	309.314.565	14.281.560.796
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>5.151.130.982</u>	<u>588.197.864</u>	<u>7.153.537.844</u>	<u>114.639.181</u>	<u>11.497.177</u>	<u>13.019.003.048</u>
Số cuối kỳ	<u>4.962.793.452</u>	<u>630.984.768</u>	<u>6.825.407.029</u>	<u>98.804.363</u>	<u>5.748.589</u>	<u>12.523.738.201</u>

Trong đó: - Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.738.129.392 đồng

- Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 3.790.166.613 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam (xem tại thuyết minh mục V.18)

9. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài tại số 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đất này đang được sử dụng làm trụ sở hoạt động của Công ty)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30, tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư****10a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	<u>Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An</u>	<u>Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận(*)</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Mua mới	-	-	-
Số cuối kỳ	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Tồn thất do giảm giá trị trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Số cuối kỳ	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964

- Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.948.115.562 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Bến Tre.

- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện thực hiện. Vì vậy Công ty tạm lấy theo giá trị sổ sách.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	295.610.000	405.521.818	(405.521.818)	295.610.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	92.363.985	-	92.363.985
Cộng	295.610.000	497.885.803	(405.521.818)	387.973.985

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	8.331.465.414	9.852.800.069
Công ty TNHH Vận tải và Thi công Cơ giới Quỳnh Anh	1.398.211.000	637.649.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Tiền Giang	1.220.983.300	312.152.400
DNTN Minh Hải	1.210.265.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.087.380.000	554.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	900.899.080	928.951.200
Các nhà cung cấp khác	2.513.727.034	7.419.647.469
Cộng	8.331.465.414	9.852.800.069

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.526.049.571	2.337.555.511
Sở Y Tế Tỉnh Bến Tre	527.203.100	138.072.000
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Út Bức, Bến Tre	414.494.812	-
Lê Quang Sách	200.600.000	200.600.000
Trần Ngọc Ánh	188.290.000	188.290.000
Lê Thị Tài	180.000.000	180.000.000
Các khách hàng khác	15.461.659	1.630.593.511
Cộng	1.526.049.571	2.337.555.511

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.410.832.501	736.112.440	(4.410.832.501)	736.112.440
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.798.324.981	461.111.923	(1.983.399.427)	276.037.477
Thuế thu nhập cá nhân	5.781.715	175.311.693	(24.715.058)	156.378.350
Thuế tài nguyên	111.990.011	497.096.600	(513.171.011)	95.915.600
Tiền thuê đất	-	304.841.000	(304.841.000)	-
Thuế bảo vệ môi trường	223.980.000	903.812.000	(953.400.000)	174.392.000
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	6.550.909.208	3.084.285.656	(8.196.358.997)	1.438.835.867

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.095.963.286	5.560.764.285
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.095.963.286	5.560.764.285
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	2.095.963.286	5.560.764.285
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	461.111.923	1.390.191.071

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức thuế suất 11%.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trườngCông ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức phí phải nộp là 4.000đ/m³**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Quy lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 01/2015/QĐ-HDQT ngày 03 tháng 04 năm 2015. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo đơn giá tiền lương 394 đồng/1000 lợi nhuận trước thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là khoản trích trước chi phí xây dựng nhà máy nước thải thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Thạnh An

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	11.958.538.928	11.497.645.747
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	75.133.372	10.807.280
Bảo hiểm xã hội	17.359.718	18.385.610
Bảo hiểm y tế	102.129	875.139
Bảo hiểm thất nghiệp	1.084.228	671.420
Các khoản phải trả ngắn hạn khác(*)	11.864.859.481	11.466.906.298
Cộng	11.958.538.928	11.497.645.747

(*) chủ yếu là khoản phải trả cho đội xây dựng

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyễn Hoài Yến – Đội xây dựng số 2	8.869.138.056	9.998.623.968
Nguyễn Tiến Tài	2.010.663.973	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	985.057.452	1.468.282.330
Cộng	11.864.859.481	11.466.906.298

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –CN Bến Tre ⁽¹⁾</i>	65.803.810.456	65.803.810.456	63.042.876.032	63.042.876.032
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Bến Tre</i>	5.911.167.985	5.911.167.985	5.911.167.985	5.911.167.985
Cộng	71.714.978.441	71.714.978.441	68.954.044.017	68.954.044.017

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –CN Bến Tre theo hợp đồng hạn mức số 01/2015/670816/HĐTĐ ngày 04 tháng 05 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc Thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau :

+ Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng.

+ Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận: 8.145.000.000 đồng. (xem thuyết minh số V.8 và thuyết minh V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Số đầu năm	68.954.044.017	51.337.445.408
Số tiền vay phát sinh	50.327.079.220	56.873.833.362
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-
Tăng khác	-	-
Số tiền vay đã trả	(47.566.144.796)	(43.283.472.000)
Giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	71.714.978.441	64.927.806.770

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	204.670.410	700.000.000	(855.375.000)	49.295.410
Quỹ phúc lợi	293.352.379	595.349.232	(428.768.600)	459.933.011
Cộng	498.022.789	1.295.349.232	(1.284.143.600)	509.228.421

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	8.657.355.337	3.228.370.815	8.647.305.387	65.090.853.539
-Tăng từ lãi năm trước	-	-	830.307.212	400.056.439	8.794.709.547	10.025.073.198
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(8.663.089.967)	(8.663.089.967)
Số dư cuối năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	9.487.662.549	3.628.427.254	8.778.924.967	66.452.836.770
Số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	13.116.089.803	-	8.778.924.967	66.452.836.770
-Tăng từ lãi trong năm	-	-	1.036.279.386	-	1.634.851.363	2.671.130.749
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(8.405.137.618)	(8.405.137.618)
Số dư cuối kỳ	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	-	2.008.638.712	60.718.829.901

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	20.146.260.000	49,76	20.146.260.000	-
Cổ đông khác	20.343.800.000	50,24	20.343.800.000	-
Cộng	40.490.060.000	100	40.490.060.000	-

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
- Cổ phiếu phổ thông	4.049.006	4.049.006
- Cổ phiếu ưu đãi (loạt được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.049.006	4.049.006

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

20d. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng:
- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- + Bỏ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- Quỹ khen thưởng được dùng để
- + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- + Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- + Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- Quỹ phúc lợi được dùng để:
- + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- + Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

20e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01 ngày 25 tháng 04 năm 2015 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	6.073.509.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	1.036.279.386

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu hàng hóa	27.855.281.960	31.108.242.128
Doanh thu thành phẩm	5.468.545.002	8.241.948.608
Doanh thu san lấp	376.753.636	23.091.816.522
Doanh thu vận tải	1.216.818.589	840.747.125
Doanh thu xây dựng các công trình	39.334.937.880	18.706.607.752
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.231.648.258	7.401.314.885
Cộng	77.483.985.325	89.390.677.020

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.492.213.249	30.818.661.097
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.532.877.630	7.205.530.724
Giá vốn san lấp	344.729.577	17.183.085.258
Giá vốn vận tải	956.614.512	825.296.745
Giá vốn xây dựng các công trình	34.658.218.074	16.887.152.104
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.895.883.354	5.583.321.594
Cộng	69.880.536.396	78.503.047.522

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi ngân hàng	67.061.655	30.947.348
Doanh thu khác	62.513.386	190.347.150
Cộng	129.575.041	221.294.498

4. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân viên bán hàng	475.018.041	960.497.890
Chi phí vận chuyển	307.652.085	186.687.317
Chi phí bốc xếp	138.745.602	305.241.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.231.988	45.249.752
Chi phí bằng tiền khác	90.212.807	217.444.599
Cộng	1.023.860.523	1.715.121.004

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	842.573.652	1.022.210.280
Chi nguyên vật liệu	135.789.305	88.522.174
Khấu hao tài sản cố định	233.786.170	53.642.210
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Trích lập dự phòng	-	347.250.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.189.958	238.073.031
Chi phí bằng tiền khác	1.024.554.078	1.098.044.019
Cộng	2.711.893.163	2.853.742.076

6. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ hàng khuyến mãi	516.408.813	1.211.135.460
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	69.811.105
Chiết khấu mua hàng	31.827.729	300.963.737
Thuê kho	72.000.000	-
Khác	32.464.151	10.581.751
Cộng	652.700.693	1.592.492.053

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi trên cổ phiếu****7a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.634.851.363	4.170.573.214
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.634.851.363	4.170.573.214
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	404	1.030

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.877.647.708	43.641.292.897
Chi phí nhân công	16.920.996.211	14.983.985.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.315.086.665	827.261.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.484.302.858	5.875.608.399
Chi phí khác	5.737.317.307	9.761.453.321
Cộng	61.335.350.749	75.089.601.353

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
 Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- 1a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	342.720.000	351.230.600
Tiền thưởng	-	-
Cộng	342.720.000	351.230.600

2. **Báo cáo bộ phận**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**6 tháng đầu năm 2015*

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.323.826.962	42.566.586.138	1.593.572.225	77.483.985.325
Giá vốn hàng bán	31.025.090.879	37.554.101.428	1.301.344.089	69.880.536.396
Lãi gộp	2.298.736.083	5.012.484.710	292.228.136	7.603.448.929

6 tháng đầu năm 2014

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.350.190.736	26.107.922.637	23.932.563.647	89.390.677.020
Giá vốn hàng bán	38.024.191.821	22.470.473.698	18.008.382.003	78.503.047.522
Lãi gộp	1.325.998.915	3.637.448.939	5.924.181.644	10.887.629.498

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 .

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	6.081.054.709	516.860.117	6.597.914.826
- Tài sản ngắn hạn khác	155	516.860.117	(516.860.117)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	418	9.487.662.549	3.628.427.254	13.116.089.803
- Quỹ dự phòng tài chính		3.628.427.254	(3.628.427.254)	-
Kết quả kinh doanh				
- Thu nhập khác	31	1.612.680.948	(20.188.895)	1.592.492.053
- Chi phí khác	32	20.188.895	(20.188.895)	-

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay gồm : Giá trị tài sản cố định, vật tư tồn kho bình quân và giá trị Quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre định giá để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6.091.045.541 đồng.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	81,98	83,18
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	18,02	16,82
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	62,32	63,60
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	37,68	36,40
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	1,32
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,92	0,65
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,07	0,02
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	9,81	12,18
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,11	4,67
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	46,15	55,70
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	0,97	2,60
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	2,57	6,56

Bến Tre, ngày 13 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG